

# GIỚI THIỆU VỀ CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ VĂN HÓA

**1. Tên chuyên ngành:** QUẢN LÝ VĂN HÓA

**2. Trình độ:** Thạc sĩ

**3. Mã số:** 60.31.06.42

**4. Mục tiêu đào tạo, đối tượng tuyển sinh**

## **4.1. Những căn cứ pháp lý**

-Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH 13 ngày 18 tháng 6 năm 2012.

-Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ Trường Đại học”;

-Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

## **4.2. Mục tiêu đào tạo**

### **+ Mục tiêu chung**

Mục tiêu đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý Văn hóa nhằm: cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao trong quản lý, tổ chức, tư vấn, tham mưu, nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch cho các tỉnh Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng cũng như cả nước.

### **+ Mục tiêu cụ thể**

Sau khi kết thúc khóa học, học viên có khả năng:

-Nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về văn hóa-nghệ thuật;

-Có năng lực tổ chức, quản lý các hoạt động văn hóa.

-Có tư duy nghiên cứu khoa học, khả năng làm việc độc lập sáng tạo;

-Có năng lực trong xây dựng đề án, dự án văn hóa; tham mưu chiến lược về văn hóa cho các cấp lãnh đạo.

-Nắm vững các lý thuyết về văn hóa - nghệ thuật; phương pháp nghiên cứu và ứng dụng vào công tác quản lý chuyên ngành;

-Nắm vững các vấn đề quản lý các thiết chế văn hóa, quản lý di sản văn hóa, quản lý các tổ chức văn hóa-nghệ thuật trên những điều kiện thực tế của vùng, miền.

### **+ Kiến thức và kỹ năng trang bị cho người học**

#### **\*Về kiến thức**

Cung cấp cho học viên những vấn đề lý luận cơ bản như:

-Quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa Việt Nam;

-Những kiến thức lý luận chuyên sâu về Quản lý Nhà nước về văn hóa;

-Những kiến thức chuyên sâu về tổ chức bộ máy và quản lý văn hóa bằng pháp luật trong điều kiện hội nhập thế giới sâu rộng hiện nay.

*\*Về kỹ năng*

-Trang bị, bổ sung cho học viên kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật;

-Có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề về văn hóa, nghệ thuật;

-Có khả năng tư vấn về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa-nghệ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

-Tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, các dự án nghiên cứu về quản lý của địa phương, đơn vị công tác;

-Sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của học viên đạt trình độ B1 hoặc bậc 3/6 của khung Châu Âu.

*\*Khả năng và vị trí công tác của người học sau khi tốt nghiệp*

Sau khi hoàn thành chương trình cao học Quản lý Văn hóa, học viên đạt được học vị thạc sĩ, có kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý, thích ứng với bối cảnh kinh tế-xã hội của địa phương và bối cảnh giao lưu và hội nhập văn hóa. Cụ thể:

- Làm việc trong hệ thống ngành văn hóa, nghệ thuật, truyền thông, quảng cáo, du lịch với các cương vị khác nhau.

- Có thể giảng dạy về quản lý văn hóa, nghệ thuật tại các trường đại học, cao đẳng, các trường nghiệp vụ về văn hóa - thông tin, chính trị - hành chính, và của các tổ chức xã hội.

- Tư vấn về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa - nghệ thuật - thông tin cho các đơn vị nhà nước và những tổ chức kinh tế - xã hội.

- Có thể tiếp tục học tập để nhận học vị tiến sĩ quản lý văn hóa; Có thể học liên thông tiến sĩ các ngành gần.

**4.3. Thời gian đào tạo:** 2 năm (24 tháng).

**4.4. Đối tượng tuyển sinh và điều kiện dự tuyển**

Theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014.

*\*Về văn bằng và ngành học*

Ngành đúng: Ngành Quản lý Văn hóa

Ngành gần/chuyên ngành gần: Văn hóa học; Khu vực học, Việt Nam học, Du lịch học, Văn hóa Du lịch, Bảo tồn Bảo tàng, Phát hành sách (Phát hành xuất bản phẩm, Biên tập-Xuất bản), Ngữ văn, Báo chí, Nhân học, Triết học, Chính trị học, Lịch sử, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Thiết kế thời trang, Thiết

kể đồ họa, Hội họa, Các ngành biểu diễn âm nhạc, Sân khấu-Điện ảnh, Du lịch, Môi trường, Thư viện, Văn học, Đông phương học, Quản lý Thể dục Thể thao.

Đối với các thí sinh ngành khác căn cứ trên thực tiễn hồ sơ đăng ký và phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Nội dung các học phần bổ sung do Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa quy định.

*\*Về thâm niên công tác*

-Người có bằng tốt nghiệp Đại học loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp;

-Những trường hợp còn lại phải có ít nhất 01 năm thâm niên công tác trong lĩnh vực Văn hóa kể từ khi tốt nghiệp Đại học.

*\*Về sức khỏe:* Có đủ sức khỏe để học tập và làm việc theo quy định hiện hành.

*\*Hồ sơ dự tuyển:* Có đầy đủ các hồ sơ, thủ tục theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa trong Thông báo tuyển sinh.

#### **4.5. Điều kiện trúng tuyển**

-Người dự thi đào tạo thạc sĩ là công dân Việt Nam phải tham dự kỳ thi tuyển sinh hàng năm theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo về số môn thi và thời gian dự thi; Thí sinh là người nước ngoài xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

*-Về xét tuyển:*

+ Các thí sinh có kết quả thi các môn đạt 5 điểm trở lên theo thang điểm 10 được xếp vào danh sách xét tuyển.

+ Kết quả thi của thí sinh được xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp trên cơ sở của tổng điểm 2 môn thi cơ bản và cơ sở. Điểm chuẩn được xác định theo chỉ tiêu đã phân bổ cho từng ngành.

*-Môn thi tuyển:*

**Môn 1:** Ngoại ngữ

Căn cứ chương II, điều 5, mục 3 Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa quy định môn ngoại ngữ trong tuyển sinh và trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển cho ngành đào tạo.

Các trường hợp được miễn thi ngoại ngữ:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trong nước mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng ngoại ngữ, không qua phiên dịch;

+ Trình độ các chứng chỉ được miễn không thấp hơn trình độ tiếng Anh TOEFL ITP 400; TOEF iBT 32 hoặc IETLS 4,0 trở lên hoặc tương đương;

tiếng Nga TRKI cấp độ 1 hoặc tương đương; tiếng Trung HSK cấp độ 4 hoặc tương đương; tiếng Pháp TCF niveau 1 trở lên hoặc tương đương; tiếng Đức ZD cấp độ 2 hoặc tương đương và các chứng chỉ của ngoại ngữ khác đạt ở trình độ tương đương. Các chứng chỉ này có giá trị sử dụng trong 2 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ. Việc xác định mức độ tương đương của các ngoại ngữ căn cứ theo chuẩn B1-B2 của khung châu Âu chung.

Môn 2: Môn cơ bản

-Triết học Mác-Lê nin

Môn 3: Môn cơ sở

- Lý luận Văn hóa

-*Tổ chức thi:* Theo Quy chế đào tạo SDH của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

#### **4.6. Điều kiện tốt nghiệp**

Những học viên đã tích lũy đủ số học phần của chương trình đào tạo, bảo vệ thành công luận văn điểm đạt 5,5 trở lên thì được xét công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng Thạc sĩ ngành Quản lý Văn hóa.

#### **4.7. Dự kiến quy mô tuyển sinh**

Mỗi năm tuyển sinh từ 30 đến 50 chỉ tiêu

#### **4.8. Dự kiến mức học phí/ người học/ năm**

-Theo Quy định hiện hành của nhà nước, cũng như Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về kinh phí đào tạo trình độ thạc sĩ.

-Nguồn thu:

Kinh phí dùng cho đào tạo trình độ thạc sĩ được lấy từ một số nguồn sau:

+ Ngân sách sự nghiệp nhà nước cấp hàng năm dành cho việc đào tạo cán bộ khoa học, cán bộ quản lý có trình độ cao - khoảng 50%.

+ Các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học - khoảng 30%.

+ Kinh phí hợp tác, nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực lao động có trình độ cao cho các đơn vị, cơ quan (theo yêu cầu xã hội) - khoảng 20%.

### **5. Chương trình đào tạo**

#### **5.1. Giới thiệu tổng quát**

Chương trình đào tạo Ths. QLVH theo chương III, điều 19, 20, 21, 22, Quy chế đào tạo thạc sĩ ban hành theo Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo hình thức đào tạo tín chỉ và được chia làm 3 khối kiến thức, cụ thể:

+ Phần kiến thức chung: 07 tín chỉ, chiếm 11%

+ Phần kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành: 40 tín chỉ, chiếm 63%.

-Các học phần bắt buộc: 11 học phần, 30 tín chỉ (lý thuyết: 19 tín chỉ; thực hành, thảo luận, bài tập: 11 tín chỉ).

-Các học phần tự chọn: 05 học phần, 10 tín chỉ (lý thuyết: 5 tín chỉ, thực hành, thảo luận, bài tập: 5 tín chỉ).

+ Thực tập thực tế: 06 tín chỉ, chiếm 10%

+ Luận văn tốt nghiệp: 10 tín chỉ, chiếm 16%

## 5.2. Danh mục các học phần và kế hoạch đào tạo

### 5.2.1. Danh mục các học phần

TT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL
<b>I</b>	<b>Phần kiến thức chung: 02 HP-07 TC</b>					
1	QVTH	501	Triết học ( <i>Philosophy</i> )	4	3	1
2	QVNN	502	Ngoại ngữ ( <i>Foreign language</i> )	3	2	1
<b>II</b>	<b>Phần kiến thức cơ sở ngành: 06 HP – 15TC</b>					
<b>II.1</b>	<b>Bắt buộc: 04HP-11TC</b>					
3	QVPP	503	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội ( <i>Specialized scientific research method</i> )	3	2	1
4	QVGL	504	Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam ( <i>Exchange and cultururation in Vietnamese cultural history</i> )	3	2	1
5	QVVH	505	Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội ( <i>Culture , civilization and social progress</i> )	3	2	1
6	QVTL	506	Tâm lý học quản lý ( <i>Psychology of Management</i> )	2	1	1
<b>II.2</b>	<b>Tự chọn: 02/05HP - 4TC</b>					
7	QVMS	507	Pháp luật Văn hóa ( <i>cultural legislation</i> )	2	1	1
8	QVVH	508	Văn hóa làng xã Việt Nam ( <i>Vietnamese Cultural Village</i> )	2	1	1
9	QVVH	509	Văn hóa tôn giáo Việt Nam ( <i>Vietnam religious culture</i> )	2	1	1

10	QVVH	510	Văn hóa và phát triển ( <i>Culture and Development</i> )	2	1	1
11	QVVH	511	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á ( <i>Vietnam Culture in the context of South-East Asia</i> )	2	1	1
<b>III</b>	<b>Kiến thức chuyên ngành: 10 HP-25 TC</b>					
<b>III.1</b>	<b>Bắt buộc: 07HP-19TC</b>					
12	QVLH	512	Lễ hội truyền thống ( <i>Traditional festivals</i> )	3	2	1
13	QVQL	513	Quản lý truyền thông đại chúng( <i>Mass communication management</i> )	2	1	1
14	QVQL	514	Quản lý các thiết chế văn hóa ( <i>Management of cultural institutions</i> )	3	2	1
15	QVQL	515	Quản lý thị trường văn hóa( <i>Cultural Market Management</i> )	3	2	1
16	QVPT	516	Phát triển chính sách văn hóa ( <i>Development of cultural policy</i> )	3	2	1
17	QVPT	517	Phát triển nguồn lực văn hóa ( <i>Culture resource development</i> )	2	1	1
18	QVQL	518	Quản lý Di sản văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam Sông Hồng ( <i>Management of cultural heritages in the North Central and the South of Red River</i> )	3	2	1
<b>III.2</b>	<b>Tự chọn: 03/06 HP-06TC</b>					
19	QVNT	519	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam ( <i>Vietnamese traditional art</i> )	2	1	1
20	QVGQ	520	Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa ( <i>Planning, cultural development strategy</i> )	2	1	1
21	QVVH	521	Gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật ( <i>Fundraising for arts and cultural activities</i> )	2	1	1
22	QVQL	522	Văn hóa ẩm thực Việt Nam ( <i>Culture of Vietnamese Food</i> )	2	1	1
23	QVDS	523	Di sản văn hóa và du lịch ( <i>Tourism and Cultural Heritages</i> )	2	1	1

24	QVVH	524	Văn hóa nông thôn Việt Nam ( <i>Vietnamese Rural Culture</i> )	2	1	1
<b>IV</b>	<b>Nghiên cứu hoạt động thực tế</b>			<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>
<b>V</b>	<b>Luận văn thạc sĩ</b>			<b>10</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
	<b>Tổng số tín chỉ tích lũy</b>			<b>63</b>		

### 5.2.2. Kế hoạch đào tạo

Học kỳ	Nội dung thực hiện	Số tín chỉ
<b>Học kỳ 1</b>	<b>-2 học phần phần chung</b>	<b>7</b>
	+ Triết học	4
	+ Ngoại ngữ	3
	<b>-3 học phần bắt buộc của khối kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>8</b>
	+ Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
+ Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội	3	
+ Tâm lý học quản lý	2	
<b>Học kỳ 2</b>	<b>-1 học phần bắt buộc của khối kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>3</b>
	+ Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam	3
	<b>-2 học phần tự chọn khối kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>4</b>
	<b>-2 học phần bắt buộc khối kiến thức ngành</b>	<b>9</b>
	+ Lễ hội truyền thống	3
+ Quản lý thị trường văn hóa	3	
+ Quản lý các thiết chế văn hóa	3	
<b>Học kỳ 3</b>	<b>-4 học phần bắt buộc khối kiến thức ngành</b>	<b>10</b>
	+ Quản lý truyền thông đại chúng	2
	+ Phát triển chính sách văn hóa	3
	+ Phát triển nguồn lực văn hóa	2
	+ Quản lý di sản văn hóa vùng Bắc Trung Bộ và Nam sông Hồng	3
	<b>-3 học phần tự chọn khối kiến thức chuyên ngành</b>	<b>6</b>
	<b>-Bảo vệ đề cương luận văn</b>	
<b>Học kỳ 4</b>	<b>-Nghiên cứu hoạt động thực tế</b>	<b>6</b>
	<b>-Viết và bảo vệ luận văn thạc sĩ</b>	<b>10</b>

## 6. Một số hình ảnh hoạt động của học viên chuyên ngành Quản lý Văn hóa



**Hình 1:** TS. Nguyễn Văn Phát, Ủy viên BTV, Trưởng ban VH-XH, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thanh Hóa phát biểu trong lễ Khai giảng chuyên ngành: Quản lý Văn hóa, trình độ Thạc sĩ, khóa I (2016-2018).



**Hình 2.** PGS.TS Trần Văn Thức, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Nhà trường phát biểu trong lễ Khai giảng chuyên ngành: Quản lý Văn hóa, trình độ Thạc sĩ, khóa I (2016-2018).





**Hình 3.** TS. Nguyễn Thị Thục, Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học Công bố quyết định trúng tuyển chuyên ngành: Quản lý Văn hóa, trình độ Thạc sĩ, khóa I (2016-2018).



**Hình 4.** Học viên Lê Giang Đông, thay mặt 41 học viên trúng tuyển chuyên ngành Quản lý Văn hóa, trình độ Thạc sĩ, khóa I (2016-2018) phát biểu cảm tưởng.



**Hình 5.** Toàn cảnh buổi Lễ khai giảng



**Hình 6.** Học viên Cao học Quản lý Văn hóa khóa I, trong buổi Lễ khai giảng



**Hình 7.** Giờ học học phần *Tiếng Anh* - lớp Cao học Quản lý Văn hóa khóa I



**Hình 7.** Thảo luận nội dung học phần *Tâm lý học Quản lý* của học viên lớp Cao học Quản lý Văn hóa khóa I



**Hình 8.** Trước giờ lên đường đi khảo sát thực tế học phần *Lễ hội Truyền thống* của học viên lớp Cao học Quản lý Văn hóa khóa I



**Hình 8.** Nghiên cứu thực tế học phần *Lễ hội Truyền thống* tại lễ hội Cầu Ngư, xã Ngư Lộc, huyện Hậu Lộc của học viên lớp Cao học Quản lý Văn hóa khóa I